

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HSST
Ngày 10/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

-Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Liễu

+ Ông Hoàng Quốc Việt

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Liệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 42/2021/HSST, ngày 03 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2022; Thông báo v/v thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/2022/TB-TA, ngày 25/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/HSST-QĐ, ngày 28/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/HSST-QĐ, ngày 26/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/HSST-QĐ, ngày 23/6/2022; Thông báo thay đổi lịch xét xử số 03/2022/TB-TA, ngày 19/7/2022 đối với các bị cáo:

1/ Phạm Thị H, sinh năm 1986 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Trú tại: Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Hữu L, sinh năm 1963 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1965; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn T, có 02 con, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/8/2020 đến ngày 03/9/2020 chuyển sang tạm giam và giam liên tục cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 tại huyện P, tỉnh A; Trú tại: Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (tên gọi khác là Sang) (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); bị cáo có vợ tên Phạm Thị H, có 02 con nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày

25/8/2020 đến ngày 03/9/2020 chuyển sang tạm giam và giam liên tục cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Lê Văn V, sinh ngày 20/01/2002 tại huyện K; trú tại: Trú tại: Thôn M, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Lưu Thị N; bị cáo có vợ tên Thái Thị Mỹ C, sinh năm 1991 và có 01 con sinh năm 2018 ; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 20/3/2017 bị Công an huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính hình thức xử lý là cảnh cáo đối với hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/8/2020 đến ngày 03/9/2020 chuyển sang tạm giam và giam liên tục cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4/ Lê Văn Q, sinh năm 1996 tại huyện K; trú tại: Trú tại: Thôn M, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Lưu Thị N; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/8/2020 đến ngày 01/9/2020 chuyển sang tạm giam và giam liên tục cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5/ Ngô Đoàn Hoàng Phúc, sinh năm 2000 tại huyện K; trú tại: Trú tại: Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn M và bà Đoàn Thị T; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2021 và giam liên tục cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Vũ Đình H , sinh năm 1993; trú tại: Thôn Q, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990; trú tại: Thôn H, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992; trú tại: Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Chị Lê Phương T, sinh năm 1995; trú tại: phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt
Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn Q, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

-Người làm chứng

Chị Thái Thị Mỹ C, sinh năm 1991; trú tại: Thôn M, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Chị Phạm Thị N, sinh năm 1990; Trú tại: Buôn Đông T, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 2003; Trú tại: Buôn Đ, xã C, huyện Ka, tỉnh Gia Lai.
Vắng mặt

NHẬN THẤY:

Vào lúc 23 giờ 15 phút ngày 24/8/2020, Công an huyện K tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang đối với Vũ Đình H đang mua ma túy của Lê Văn Q trước cổng nhà của Lê Văn V. Thu giữ trên người H một gói nilong đã hàn kín có kích thước 2,6x01cm, bên ngoài có dán băng keo màu đen, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng. Lê Văn Q chạy thoát đến ngày 25/8/2020 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét khẩn cấp nhà ở của Lê Văn V thu giữ 03 gói nilon chứa chất tinh thể màu trắng (trong đó: 01 bì nilong nhựa đã hàn kín bốn góc có kích thước 3x3 cm; 01 túi nilon hàn kín kích thước 5,5 x 3,7 cm và 01 túi nilon hàn kín kích thước 3,5 x 3,2x3,3x2,5 cm), V khai toàn bộ số ma túy trên V và Qh mua của Phạm Thị H. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khám xét khẩn cấp nhà ở của vợ chồng Phạm Thị H và Nguyễn Văn T thu giữ 09 gói nilon chất tinh thể màu trắng và 01 tờ giấy ôli kích thước 20x16cm, trên tờ giấy có một số chất tinh thể màu trắng.

Sau khi bị bắt giữ và trong suốt quá trình điều tra, T và H khai nhận toàn bộ ma túy trên được mua của một người đàn ông tên M tại Phú Yên với giá 5.000.000 đồng vào đầu tháng 8 năm 2020 nhằm mục đích vừa để sử dụng và vừa để bán cho các con nghiện khác để kiếm lời.

Ngày 14/8/2020, H trực tiếp bán, giao ma túy cho V, ngoài ra H trực tiếp bán và giao cho Q 02 lần với tổng số tiền là 2.100.000 đồng, số ma túy còn lại T, H chưa kịp bán thì bị bắt, thu giữ.

Lê Văn V và Lê Văn Q khai nhận: Toàn bộ số ma túy trên đều mua từ vợ chồng T, H về sử dụng và bán kiếm lời. Giữa tháng 8/2020, Q trực tiếp bán 02 lần cho Nguyễn Văn Q với giá 500.000 đồng. Ngày 24/8/2020, V trực tiếp bán cho Vũ Đình H 0,0748 gam ma túy thì bị bắt quả tang.

Trong tháng 8/2020 T bán ma túy cho Nguyễn Văn Đ 03 lần, cho Lê Phương T 01 lần, trong đó có 02 lần T nhờ Ngô Đoàn Hoàng P đi giao ma túy cho Đ và T. Cả 02 lần được T nhờ đi giao ma túy cho Đ và T thì P biết rõ là Tg mua bán ma túy cho Đ và T nhưng vì chỗ quen biết nên khi T nhờ P đã đồng ý đi giao.

Tang vật thu giữ trên người Hải: một gói nilong đã hàn kín có kích thước 2,6x01cm, bên ngoài có dán băng keo màu đen, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Phạm Thị H và Nguyễn Văn T bàn bạc cùng nhau mua ma túy về bán kiếm lời, cả hai đã thực hiện hành vi mua bán trái phép 10,4787 gam ma túy loại Methamphetamine. Hằng trực tiếp bán 02 lần cho Q và V 0,9979 gam với giá 2.100.000 đồng. T trực tiếp bán 03 lần cho Nguyễn Văn Đ (trong đó có 01 lần nhờ Ngô Đoàn Hoàng P đi giao cho Đ) và 01 lần T bán cho Lê Phương T

và cũng nhờ Ngô Đoàn Hoàng P đi giao. Số ma túy còn lại T, H chưa kịp bán thì bị bắt. Đối với Lê Văn Q và Lê Văn V bán bạc cùng nhau mua ma túy của H để về bán kiếm lời, sau 02 lần mua ma túy của H, Q và V đã bán 02 lần cho Nguyễn Văn Q và 01 lần cho Vũ Đình H, số còn lại chưa kịp bán thì bị bắt giữ. Đ, T, H, Q mua ma túy về để sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định số 643/KLGD ngày 01/9/2020, kết luận:

+ Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 (một) gói nilon trong bì công văn ghi “số 1” niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0748 gam. Đây là vật chứng thu giữ của Vũ Đình Hải.

+ Chất màu trắng dạng tinh thể trong 03 (ba) gói nilon trong bì công văn ghi “số 2” niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,9231 gam. Đây là vật chứng thu giữ tại nhà Lê Văn Việt.

+ Chất màu trắng dạng tinh thể trong 10 (mười) gói (09 gói nilon và 01 gói giấy kẻ ôli) trong bì công văn ghi “số 3” niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 9,4808 gam. Đây là vật chứng thu giữ tại nhà vợ chồng Nguyễn Văn Tổng và Phạm Thị Hằng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS, ngày 03 tháng 12 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Phạm Thị H, Nguyễn Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, i, Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và các bị cáo Lê Văn V, Lê Văn Q, Ngô Đoàn Hoàng P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Thị H, Nguyễn Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, i, Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và các bị cáo Lê Văn V, Lê Văn Q, Ngô Đoàn Hoàng P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (Sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của BLHS 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Thị H từ 08 năm đến 08 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của BLHS 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của BLHS 2015: Xử phạt bị cáo Lê Văn V, Lê Văn Q từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

Ngô Đoàn Hoàng P từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù.

Đối tượng tên M có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn T, Phạm Thị H nhưng chưa rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra Công an huyện K tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là phù hợp nên HĐXX không xem xét.

Các bị cáo H, T, V, Q khai có mua ma túy về để sử dụng nhưng không xác định được tổng khối lượng ma túy đã sử dụng nên không có cơ sở truy cứu về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ.

Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các đối tượng Lê Phương T, Vũ Đình H, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Đ đã bị Công an huyện K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Về vật chứng vụ án của vụ án: Căn cứ Điều 47 BLHS; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 03 (ba) bì công văn cùng số 634/PC09 ngày 01/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, đã được niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Gia Lai. Phía sau bì công văn có chữ ký và họ tên của ông Nguyễn Minh Tâm, Thái Quang Tâm và ông Trần Đình Ngự. Bên trong gồm có:

0,0663 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 01 (một) gói nilon thuộc bì công văn ghi “số 1”; 0,8862 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 03 (ba) gói nilon thuộc bì công văn ghi “số 2”; 9,2422 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 10 (mười) gói nilon và 01 gói giấy kẻ ôli thuộc bì công văn ghi “số 3”. Trên đây là toàn bộ khối lượng ma túy còn lại sau giám định.

-01 (một) chai nhựa cao 14cm, nắp chai màu đỏ, bên trên nắp chai gắn 01 cái nõ thủy tinh và một ống hút nhựa dùng để sử dụng ma túy;

-02 (hai) ống nối bằng thủy tinh (một ống cao 07cm, đường kính rộng nhất 2,4cm; một ống cao 4,8cm, đường kính rộng nhất 3,5cm);

-02 (hai) cái đầu nõ dùng để sử dụng ma túy;

-01 (một) bình thủy tinh kích thước 7,5cm x 11,5cm;

- 02 (hai) đầu nõ dùng để sử dụng ma túy;

- 01 (một) cái nõ màu xanh lá cây.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MI, màu bạc, không kiểm tra tình trạng bên trong;

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đồng, không kiểm tra tình trạng bên trong;

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 Plus, màu vàng đồng, sim số viettel, không kiểm tra tình trạng bên trong;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen; bên trong có 02 sim số, trong đó 01 sim vettel, số seri 8984048000068928925 và 01 sim mobi, số seri 8401190850508716;

+ Truy thu số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính của bị cáo Phạm Thị H để nộp ngân sách nhà nước. Khấu trừ vào số tiền đang tạm giữ của

bị cáo là 15.690.000 đồng – 2.100.000 đồng = 13.590.000 đồng; là số tiền cần phải trả lại cho bị cáo Hằng.

+ Truy thu số tiền 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Văn T để nộp ngân sách nhà nước.

+ Truy thu số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) thu lợi bất chính của bị cáo Lê Văn Q và Lê Văn V để nộp ngân sách nhà nước.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị N 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave **a**, biển kiểm soát 17K8-0424, vì không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Thị H số tiền còn lại sau khi truy thu tiền thu lợi bất chính là 13.590.000 đồng (*mười ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*).

+ Trả lại cho bị cáo Lê Văn V : 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh nước biển; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen; 01 (một) sim số viettel, số seri 8984048008824604990;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Thị H, Nguyễn Văn T, Lê Văn V, Lê Văn Q, Ngô Đoàn Hoàng P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định:

Vào lúc 23 giờ 15 phút ngày 24/8/2020 Lê Văn Q đã có hành vi bán trái phép 0.0748 gam ma túy loại Methamphetamine cho Vũ Đình H. Thu giữ tại nhà Lê Văn V 0.9231 gam ma túy loại Methamphetamine.

Vào lúc 03 giờ 00 phút, ngày 25/8/2020 thu giữ tại nhà riêng của Phạm Thị H và Nguyễn Văn T 9,4808 gam ma túy loại Methamphetamine.

Phạm Thị H thừa nhận đã bán ma túy cho Lê Văn Q, Lê Văn V và toàn bộ số ma túy thu giữ tại nhà riêng là do H trực tiếp mua của một người đàn ông tên M tại Phú Yên và tháng 8/2020 để về H và T vừa sử dụng, vừa bán để kiếm lời. Việc giao ma túy diễn ra trên địa bàn huyện K, bị cáo biết người đàn ông tên M là thông qua bạn bè giới thiệu nên không biết nhân thân, lai lịch của người đã bán ma túy cho H nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, từ sau khi bị khám xét và thu giữ ma túy tại nhà riêng, cho đến suốt quá trình điều tra truy tố bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác. Sau đó quanh co chối tội, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình gây khó khăn cho cơ quan tố tụng, nhưng tại phiên tòa sau khi được HĐXX giải thích về sự khoan hồng của pháp luật nên bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội.

Các bị cáo là những người có tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, có đầy đủ năng lực hành vi, đều biết rõ việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Nhưng vì ham lợi nhuận cao, muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân, không lo tu dưỡng rèn luyện và lao động chân chính để nuôi sống bản thân, gia đình, muốn có tiền nhanh chóng nên đã sa ngã. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền trong quản lý các chất ma túy của Nhà nước, đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển giống nòi của dân tộc, tác động tiêu cực đến một bộ phận thanh thiếu niên. Do tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ra các tệ nạn xã hội và là nguyên nhân gây ra nhiều tội phạm khác.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của Phạm Thị H, Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, i, Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và các bị cáo Lê Văn V, Lê Văn Q, Ngô Đoàn Hoàng P đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo Phạm Thị H đã 02 lần bán ma túy cho các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn V. Bị cáo Nguyễn Văn T đã trực tiếp bán ma túy 03 lần cho Nguyễn Văn Đ, 01 lần cho Lê Phương T. Tổng số lượng ma túy mà H và T đã mua bán và thu giữ là 10,4787 gam ma túy loại Methamphetamine là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của BLHS 2015.

Các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn V đã mua bán trực tiếp 02 lần ma túy với Phạm Thị H, tổng số lượng ma túy đã mua bán là 0.9979 gam ma túy loại Methamphetamine. Sau đó Q, V mỗi bị cáo đã trực tiếp bán 02 lần cho Vũ Đình H và Nguyễn Văn Q. Ngô Đoàn Hoàng P là người trực tiếp tham gia việc bán ma túy cho Nguyễn Văn Đ, Lê Phương T theo sự phân

công của Nguyễn Văn T là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của BLHS 2015.

[4] Về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy rằng Hành vi phạm tội của các bị cáo không thực hiện độc lập nhau mà có sự liên kết theo nhóm 02 người với nhau, mang tính đồng phạm giản đơn. Cụ thể khi thực hiện tội phạm thì chia theo nhóm bị cáo như sau: H – T; Q – V; T – P. Tuy giữa từng nhóm bị cáo không có sự thống nhất, bàn bạc trước, không có tổ chức câu kết chặt chẽ với nhau, không phân công cụ thể công việc cho nhau, không lên kế hoạch thực hiện, không có người chỉ huy cầm đầu, tuy nhiên từng nhóm bị cáo thực hiện cùng một hành vi phạm tội, cùng một mục đích là thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy. Do vậy, cần phân tích rõ vai trò, vị trí trách nhiệm của từng bị cáo, đồng thời cần xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo để cá thể hóa hình phạt cho tương xứng và đúng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Thị H và Nguyễn Văn T là vợ chồng, xuất phát từ nhu cầu cá nhân có tiền sử sử dụng chất ma túy, sau đó H đã mua số ma túy trên của người đàn ông tên M tại Phú Yên. Số ma túy mua về vừa mục đích để bán cho các con nghiện khác để kiếm lời, lấy tiền lời đó để mua ma túy sử dụng. Trong số ma túy trên thì H đã bán cho Q và V 02 lần, T đã bán cho Nguyễn Văn Đ 3 lần, bán cho Lê Phương T 01 lần.

Bị cáo Phạm Thị H không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo H là lao động chính trong gia đình, chồng bị cáo là Nguyễn Văn T cùng đang bị xét xử trong cùng vụ án với bị cáo, hiện tại con của bị cáo không có người nuôi dưỡng phải sống nhờ vào ông bà đã già yếu; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS được áp dụng cho bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, cũng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Từ sau khi bị khám xét và thu giữ ma túy tại nhà riêng, cho đến suốt quá trình điều tra truy tố bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác. Sau đó quanh co chối tội, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình gây khó khăn cho cơ quan tố tụng, nhưng tại phiên tòa sau khi được HĐXX giải thích về sự khoan hồng của pháp luật nên bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS được áp dụng cho bị cáo.

Đối với Ngô Đoàn Hoàng P là người được T giao nhiệm vụ đi đưa ma túy cho Nguyễn Văn Đ và Lê Phương T. P hoàn toàn nhận thức được đó là ma túy nhưng đã đồng ý tự nguyện thực hiện hành vi phạm tội cùng với T.

Đối với Lê Văn V và Lê Văn Q, xuất phát từ việc sử dụng chất ma túy trái phép nên Lê Văn V cùng với Lê Văn Q mua ma túy của Phạm Thị H về để chia nhỏ ra bán cho các con nghiện kiếm lời, tiền lời dùng để mua ma túy sử dụng. Lê Văn Q là anh trai, ở cùng nhà

với V, thấy hành vi bán ma túy kiếm lời của V thì Q xin được cùng bán, được V đồng ý thì V và Q thay nhau mua ma túy từ H, sau khi mua xong thì Q có nhiệm vụ phân chia ma túy ra thành từng gói nhỏ để cùng với Việt bán khi có người cần hỏi.

Đối tượng tên M có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn T, Phạm Thị H nhưng chưa rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra Công an huyện K tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là phù hợp nên HĐXX không xem xét.

Các bị cáo H, T, V, Q khai có mua ma túy về để sử dụng nhưng không xác định được tổng khối lượng ma túy đã sử dụng nên không có cơ sở truy cứu về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ.

Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các đối tượng Lê Phương T, Vũ Đình H, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Đ đã bị Công an huyện K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như tình hình thực tế trên địa bàn huyện Krông Pa thì loại tội phạm mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. Nên thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhất định, để nhằm mục đích trừng trị nhưng cũng giúp cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời qua đó răn đe, phòng ngừa loại tội phạm này tái diễn trên địa bàn.

Xét lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về vật chứng của vụ án:

+ Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng gồm:

- 03 (ba) bì công văn cùng số 634/PC09 ngày 01/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, đã được niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Gia Lai. Phía sau bì công văn có chữ ký và họ tên của ông Nguyễn Minh Tâm, Thái Quang Tâm và ông Trần Đình Ngự. Bên trong gồm có:

- 0,0663 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 01 (một) gói nilon thuộc bì công văn ghi “số 1”; 0,8862 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 03 (ba) gói nilon thuộc bì công văn ghi “số 2”; 9,2422 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 10 (mười) gói nilon và 01 gói giấy kẻ ôli thuộc bì công văn ghi “số 3”. Trên đây là toàn bộ khối lượng ma túy còn lại sau giám định.

-01 (một) chai nhựa cao 14cm, nắp chai màu đỏ, bên trên nắp chai gắn 01 cái nỏ thủy tinh và một ống hút nhựa dùng để sử dụng ma túy;

-02 (hai) ống nối bằng thủy tinh (một ống cao 07cm, đường kính rộng nhất 2,4cm; một ống cao 4,8cm, đường kính rộng nhất 3,5cm);

-02 (hai) cái đầu nỏ dùng để sử dụng ma túy;

-01 (một) bình thủy tinh kích thước 7,5cm x 11,5cm;

- 02 (hai) đầu nỏ dùng để sử dụng ma túy;

- 01 (một) cái nỏ màu xanh lá cây.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MI, màu bạc, không kiểm tra tình trạng bên trong;

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đồng, không kiểm tra tình trạng bên trong;

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 Plus, màu vàng đồng, sim số viettel, không kiểm tra tình trạng bên trong;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen; bên trong có 02 sim số, trong đó 01 sim vettel, số seri 8984048000068928925 và 01 sim mobi, số seri 8401190850508716;

+ Truy thu số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính của bị cáo Phạm Thị H để nộp ngân sách nhà nước. Khấu trừ vào số tiền đang tạm giữ của bị cáo là 15.690.000 đồng – 2.100.000 đồng = 13.590.000 đồng; là số tiền cần phải trả lại cho bị cáo H.

+ Truy thu số tiền 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Văn T để nộp ngân sách nhà nước.

+ Truy thu số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) thu lợi bất chính của bị cáo Lê Văn Q và Lê Văn V để nộp ngân sách nhà nước.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị N 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave **a**, biển kiểm soát 17K8-0424, vì không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Thị H số tiền còn lại sau khi truy thu tiền thu lợi bất chính là 13.590.000 đồng (*mười ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*).

+ Trả lại cho bị cáo Lê Văn V : 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh nước biển; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen; 01 (một) sim số viettel, số seri 8984048008824604990;

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu án phí 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị H, Nguyễn Văn T, Lê Văn Vt, Lê Văn Q, Ngô Đoàn Hoàng P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1.Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 , Điều 38, Điều 58 của BLHS 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 25/8/2020.

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của BLHS 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 25/8/2020.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của BLHS 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Văn V 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 25/8/2020.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 26/8/2020.

Xử phạt bị cáo Ngô Đoàn Hoàng P 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 29/9/2021.

3. Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị sử dụng gồm:

- 03 (ba) bì công văn cùng số 634/PC09 ngày 01/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, đã được niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Gia Lai. Phía sau bì công văn có chữ ký và họ tên của ông Nguyễn Minh Tâm, Thái Quang Tâm và ông Trần Đình Ngự. Bên trong gồm có:

0,0663 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 01 (một) gói nilon thuộc bì công văn ghi “số 1”; 0,8862 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 03 (ba) gói nilon thuộc bì công văn ghi “số 2”; 9,2422 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 10 (mười) gói nilon và 01 gói giấy kẻ ôli thuộc bì công văn ghi “số 3”. Trên đây là toàn bộ khối lượng ma túy còn lại sau giám định.

-01 (một) chai nhựa cao 14cm, nắp chai màu đỏ, bên trên nắp chai gắn 01 cái nổ thủy tinh và một ống hút nhựa dùng để sử dụng ma túy;

-02 (hai) ống nối bằng thủy tinh (một ống cao 07cm, đường kính rộng nhất 2,4cm; một ống cao 4,8cm, đường kính rộng nhất 3,5cm);

-02 (hai) cái đầu nổ dùng để sử dụng ma túy;

-01 (một) bình thủy tinh kích thước 7,5cm x 11,5cm;

- 02 (hai) đầu nổ dùng để sử dụng ma túy;

- 01 (một) cái nổ màu xanh lá cây.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MI, màu bạc, không kiểm tra tình trạng bên trong;

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, màu đồng, không kiểm tra tình trạng bên trong;

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 Plus, màu vàng đồng, sim số viettel, không kiểm tra tình trạng bên trong;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen; bên trong có 02 sim số, trong đó 01 sim viettel, số seri 8984048000068928925 và 01 sim mobi, số seri 8401190850508716;

+ Truy thu của các bị cáo

-Truy thu số tiền 2.100.000 đồng (*hai triệu một trăm nghìn đồng*) thu lợi bất chính của bị cáo Phạm Thị H để nộp ngân sách nhà nước. Khấu trừ vào số tiền đang tạm giữ của bị cáo là 15.690.000 đồng – 2.100.000 đồng = 13.590.000 đồng; là số tiền cần phải trả lại cho bị cáo H.

-Truy thu số tiền 1.900.000 đồng (*một triệu chín trăm nghìn đồng*) thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Văn T để nộp ngân sách nhà nước.

-Truy thu số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) thu lợi bất chính của bị cáo Lê Văn Q và Lê Văn V để nộp ngân sách nhà nước. Các bị cáo Lê Văn Q và Lê Văn V phải có trách nhiệm liên đới chịu 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

+ Trả lại tài sản

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị N 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Wave **a**, biển kiểm soát 17K8-0424, vì không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Thị H số tiền còn lại sau khi truy thu tiền thu lợi bất chính là 13.590.000 đồng (*mười ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*).

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn V : 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh nước biển; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen; 01 (một) sim số viettel, số seri 8984048008824604990;

Đặc điểm chi tiết các vật chứng nêu trên trên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/12/2021 và ngày 08/8/2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện K và Chi cục THADS huyện K.

4 . Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Phạm Thị H, Nguyễn Văn T, Lê Văn Q, Lê Văn V, Ngô Đoàn Hoàng P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (10/8/2022) còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. K (02 bản);
- Công an h. Krông Pa (01 bản);
- Bị cáo (05 bản);
- Dương sự;
- Chi cục THADS h. K (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Lê Thị Dung**

